

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 159 /BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Về tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Thực hiện Công văn số 3276/BTC-HCSN ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ, cụ thể như sau:

Thời gian qua tỉnh Kiên Giang đã thu hút được một số dự án đầu tư xã hội hóa, góp phần huy động có hiệu quả nguồn lực của khu vực kinh phí tư nhân tham gia phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Cụ thể:

#### **1. Về ban hành các chính sách khuyến khích xã hội hóa của tỉnh giai đoạn 2008-2019**

Theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ; đến nay tỉnh Kiên Giang đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện cụ thể hóa chính sách xã hội hóa như sau:

Ngày 10 tháng 7 năm 2013, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND về việc ban hành một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; đến ngày 10 tháng 9



năm 2013 Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND về việc ban hành quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; trên cơ sở đó Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 150/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (thay thế Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2018 ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (thay thế Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND).

## **2. Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Việc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2008-2019 đã thu hút được nhiều dự án đầu tư ngoài vốn ngân sách Nhà nước với những loại hình và phương thức hoạt động mới, đa dạng, phong phú. Tính đến nay trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có 33 dự án xã hội hoá thuộc các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa; có 32/33 dự án đã được cấp giấy phép hoạt động. Các dự án xã hội hóa đi vào hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giáo dục đào tạo (10 dự án), văn hóa (01 dự án) và lĩnh vực y tế (21 dự án). Các dự án đi vào hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cho các nhà đầu tư và đã giải quyết được nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh. Cụ thể như sau (kèm theo phụ lục):

- Lĩnh vực giáo dục đào tạo: số lượng các dự án xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động giai đoạn 2008-2019 là 10 dự án, với tổng vốn đầu tư nguồn xã hội hóa 225,85 tỷ đồng và số đất được giao (cho thuê dài hạn 50 năm) là 74.089 m<sup>2</sup> với quy mô là 133 lớp với 3.559 học sinh. Có 02 dự án sử dụng đất nhà và 01 dự án sử dụng đất của hội người Hoa.

- Lĩnh vực văn hóa: số lượng các dự án xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động giai đoạn 2008-2019 là 01 dự án. Dự án Bảo tàng tư nhân

Cội Nguồn huyện Phú Quốc, với tổng diện tích là 1.266 m<sup>2</sup>, hiện lưu giữ hơn 3.889 hiện vật.

Và đang lập quy hoạch cho 01 dự án tại huyện Phú Quốc là dự án quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc từ nguồn vốn tài trợ của doanh nghiệp.

- Lĩnh vực y tế: các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực là 21 cơ sở xã hội hóa ngoài công lập đang hoạt động (có đầy đủ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh) gồm Bệnh viện Tư nhân Bình An (với quy mô có 250 giường), Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc (với quy mô có 150 giường) và 19 phòng khám đa khoa tư nhân. Tổng kinh phí đầu tư vào các dự án là 1.301 tỷ đồng, trong đó 100% vốn tư nhân và các cổ đông.

Tổng diện tích đất của các cơ sở xã hội hóa được bố trí sử dụng là 23.396,82 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích xây dựng là 15.290,82 m<sup>2</sup>.

### **3. Các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, việc thực hiện chủ trương xã hội hóa trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua còn một số hạn chế như: việc tuyên truyền phổ biến chủ trương chính sách xã hội hóa chưa đến được các đối tượng thụ hưởng; một số dự án tiến độ còn chậm; công tác quy hoạch và công tác chuẩn bị để thu hút đầu tư chưa tốt; việc giao đất sạch cho nhà đầu tư phải thực hiện nhiều thủ tục, gây khó khăn cho nhà đầu tư trong việc tiếp cận đất đai; việc thực hiện Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với lĩnh vực giáo dục còn một số tồn tại, như chưa quy hoạch sử dụng đất cho mục đích xã hội hóa, hạn chế trong ưu đãi tín dụng.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế nêu trên là do nhận thức về xã hội hóa chưa thực sự thống nhất, vẫn còn tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước; chưa quy hoạch được các khu đất sử dụng cho mục đích xã hội hóa và thiếu kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng để giao đất sạch cho nhà đầu tư; đối với các trường ngoài công lập, loại hình trường đa cấp là khá phổ biến, nhưng Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường chưa có quy định về loại hình

trường này, nên khó khăn khi thực hiện; chất lượng đầu ra của hệ ngoài công lập ở phổ thông chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút học sinh vào học; chủ trương phổ cập mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; các địa phương đều tập trung đầu tư để huy động tối đa học sinh đến trường công lập, vì vậy đối tượng vào trường ngoài công lập rất ít; nhiều điểm trường ngoài công lập mở ra khang trang nhưng không có hoặc có rất ít học sinh; hiện nay, hoạt động xã hội hoá trong lĩnh vực y tế trong tỉnh chủ yếu dừng lại ở hình thức liên doanh, liên kết trang thiết bị y tế; hệ thống cơ sở y tế chất lượng cao được đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa còn hạn chế.

#### **4. Giải pháp thúc đẩy khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp công giai đoạn 2021-2025 và năm 2030**

- Đề nghị bổ sung điểm c Mục 1 Quyết định số 1466/QĐ-TTg đối với danh mục được ưu đãi đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục là cơ sở dịch vụ ăn uống cho học sinh bán trú. Do hiện nay có chủ trương học bán trú, trong khi cơ sở vật chất công lập thiếu, phần lớn các trường thuê dịch vụ nấu ăn bên ngoài, cho nên Nhà nước cần có chủ trương khuyến khích dịch vụ này.

- Cần có cơ chế thoáng trong chương trình dạy học ở hệ ngoài công lập, lấy đầu ra làm thước đo chất lượng, không gò bó rập khuôn như cách dạy học ở công lập nhằm tạo điều kiện để trường ngoài công lập tập trung rèn luyện học sinh THCS, THPT vươn lên khá, giỏi; đồng thời cần có chính sách hỗ trợ cho các đối tượng chính sách nếu phải học trường ngoài công lập, để người dân thấy được dù học trường nào các đối tượng chính sách không bị thiệt thòi.

- Đẩy mạnh chủ trương phân luồng học sinh sau THCS để góp phần tạo nguồn phát triển bậc THPT ngoài công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ.

- Tạo điều kiện để mọi người dân, nhất là đối tượng chính sách, người nghèo, người có thể bảo hiểm y tế được thụ hưởng các dịch vụ kỹ thuật cao ngay tại 100% các cơ sở y tế tư nhân nhằm tăng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Vì hiện tại chỉ có 9/21 cơ sở thực hiện khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng có thể bảo hiểm y tế, đạt 42,8%.

- Tạo điều kiện cho các cán bộ y tế thuộc các bệnh viện tư nhân và các phòng khám được nâng cao trình độ chuyên môn để nâng cao chất lượng phục vụ. Cần khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân đã hăng say nghiên cứu khoa học, áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong việc khám, chẩn đoán, điều trị người bệnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ theo yêu cầu, đặc biệt là chăm sóc người cao tuổi.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Bộ Tài chính xem xét./.

*Dave*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P KTTH;
- Lưu: VT, nknghuyen (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Minh Phụng**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA TỈNH KIÊN GIANG**  
(Kèm theo Báo cáo số 159 /BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	LOẠI HÌNH XÃ HỘI HÓA	Giai đoạn 2008-2019									
		Tồn dự án xã hội hóa đã được cấp phép và hoạt động			Kinh phí đầu tư của các dự án xã hội hóa (tỷ đồng)			Diện tích đất đã bố trí cho các cơ sở xã hội hóa (m2)			Ngân sách Nhà nước đã bố trí để hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có) (tỷ đồng)
		Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	
	<b>Tổng cộng</b>	14	-	-	227.156	-	-	97.486	-	-	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ</b>	10	-	-	225.855	-	-	74.089	-	-	-
1	Lĩnh vực giáo dục - đào tạo, trong đó	10	-	-	225.855	-	-	74.089	-	-	-
1.1.	Cơ sở giáo dục mầm non	8	-	-	195.202	-	-	47.540	-	-	-
a)	MN Đức Trí	1	-	-	7.200	-	-	4.126	-	-	-
b)	MN Văn Minh	1	-	-	3.000	-	-	-	-	-	-
c)	MN Hạnh Phúc	1	-	-	45.000	-	-	11.000	-	-	-
d)	MN Hoa Phượng Đỏ	1	-	-	50.000	-	-	-	-	-	-
đ)	Mẫu giáo Hoa Sen	1	-	-	22.000	-	-	3.688	-	-	-
e)	Mẫu giáo + TH Lê Hồng Phong	1	-	-	33.101	-	-	17.243	-	-	-
g)	MN+TH Hạnh Phước	1	-	-	22.101	-	-	11.483	-	-	-
h)	Trường TH-THCS Khai Trí	1	-	-	12.800	-	-	-	-	-	-
1.2.	Cơ sở giáo dục phổ thông	2	-	-	30.653	-	-	26.549	-	-	-
a)	Trường Ischool Rạch Giá	1	-	-	20.153	-	-	16.569	-	-	-
b)	Trường THPT Tư thục Phó Cơ Điều	1	-	-	10.500	-	-	9.980	-	-	-



STT	LOẠI HÌNH XÃ HỘI HÓA	Giai đoạn 2008-2019									
		Tổng dự án xã hội hóa đã được cấp phép và hoạt động			Kinh phí đầu tư của các dự án xã hội hóa (tỷ đồng)			Diện tích đất đã bố trí cho các cơ sở xã hội hóa (m2)			Ngân sách Nhà nước đã bố trí để hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có) (tỷ đồng)
		Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	
1.3.	Cơ sở giáo dục đại học										
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, trong đó	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a)	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp										
b)	Trường trung cấp										
c)	Trường cao đẳng										
II	LĨNH VỰC Y TẾ - ĐẢM BẢO XÃ HỘI	3	-	-	1.301	-	-	23.397	-	-	-
1	Lĩnh vực y tế	3	-	-	1.301	-	-	23.397	-	-	-
1.1.	Cơ sở khám, chữa bệnh	3	-	-	1.301	-	-	23.397	-	-	-
a)	Bệnh viện Tư nhân Bình An	1	-	-	140	-	-	2.139	-	-	-
b)	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc	1	-	-	997	-	-	11.330	-	-	-
c)	Phòng khám đa khoa tư nhân	1	-	-	164	-	-	9.928	-	-	-
1.2.	Cơ sở y tế dự phòng										
1.3.	Cơ sở khác										
2	Lĩnh vực đảm bảo xã hội										
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Lĩnh vực văn hóa	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a)	Bảo tàng tư nhân	1	-	-							

\* 

STT	LOẠI HÌNH XÃ HỘI HÓA	Giai đoạn 2008-2019									
		Tồn dự án xã hội hóa đã được cấp phép và hoạt động			Kinh phí đầu tư của các dự án xã hội hóa (tỷ đồng)			Diện tích đất đã bố trí cho các cơ sở xã hội hóa (m2)			Ngân sách Nhà nước đã bố trí để hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có) (tỷ đồng)
		Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	Ngoài công lập	Vốn đầu tư nước ngoài	Liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập	
b)	<i>Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt Trại giam Phú Quốc (đang lập quy hoạch)</i>		-								
2	Lĩnh vực thể thao										
IV	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG										

